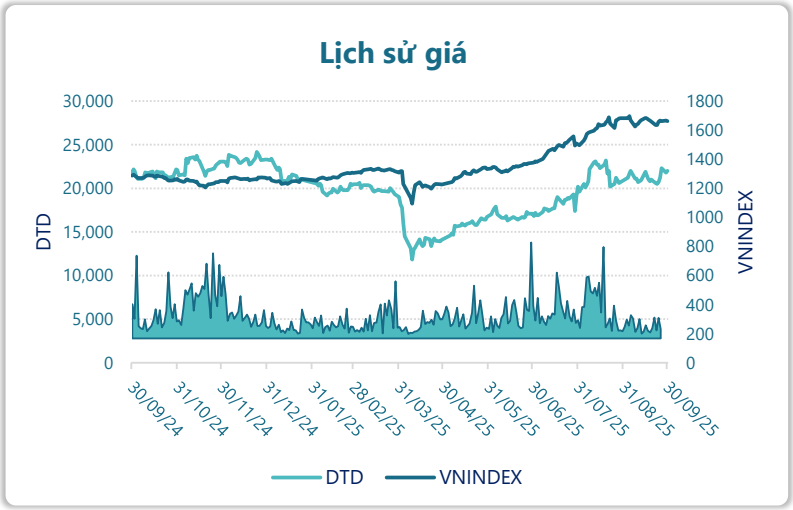
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt (HNX: DTD)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**22,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,168
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,825
SL cổ phiếu LH	66,686,055
KLGD BQ 20 phiên (CP)	803,010
% sở hữu nước ngoài	4.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,467
P/E	7.0
EPS	3,138

DT thuần

Q3/25

150

tỷ VNĐ

QoQ: ▼138| -48.0%

YoY: ▼12.0| -7.6%

LN sau thuế

Q3/25

34.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼118| -77.2%

YoY: ▼31.4| -47.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

30.5%

+/- YoY: ▼ 21.5%

DT thuần

9T 2025

657

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 227| 52.5%

LN sau thuế

9T 2025

288

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 125| 77.0%

ROE

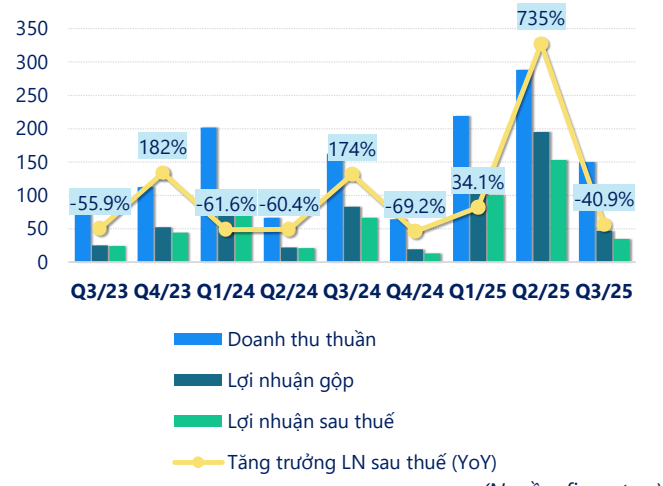
Q3/25

14.5%

+/- YoY: ▲ 3.4%

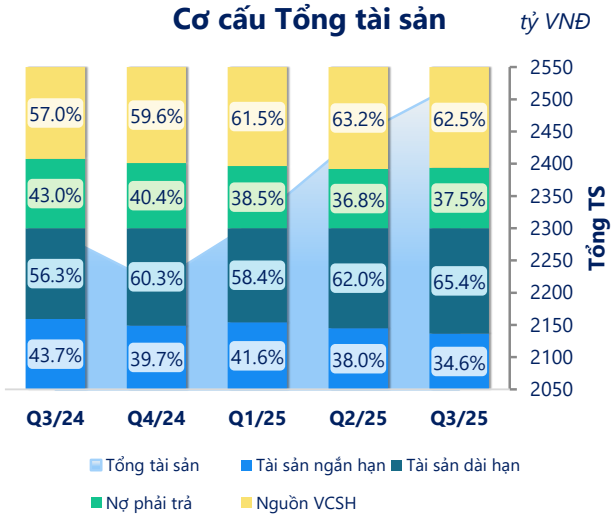
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



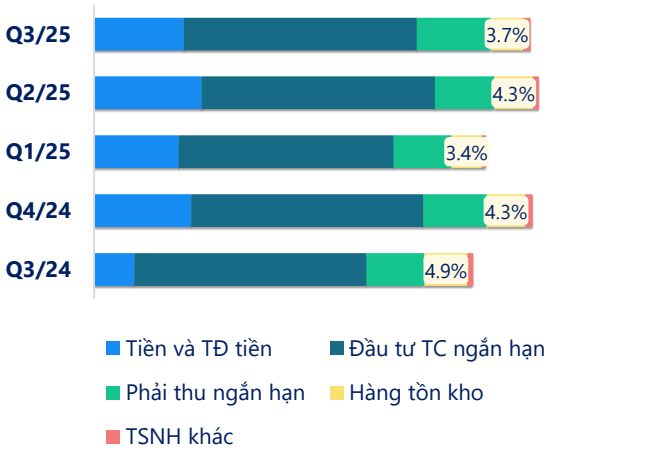
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



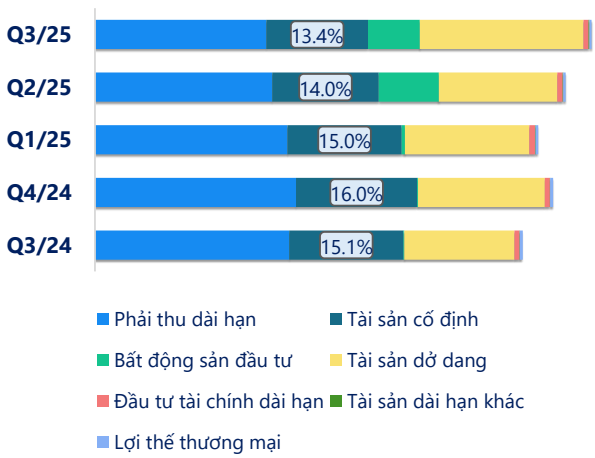
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



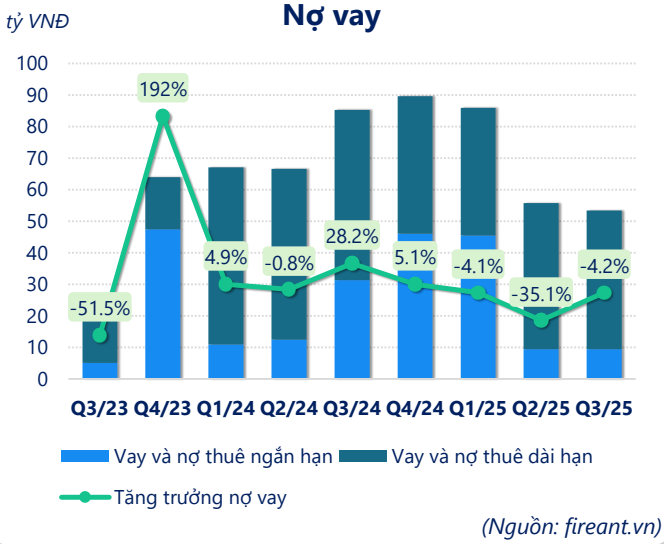
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



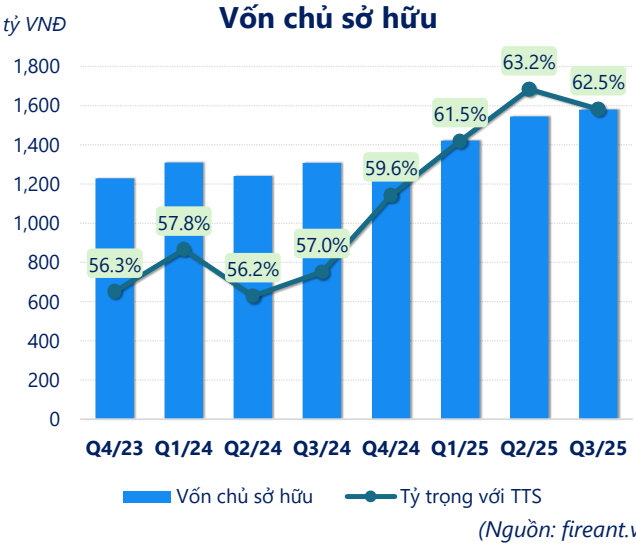
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



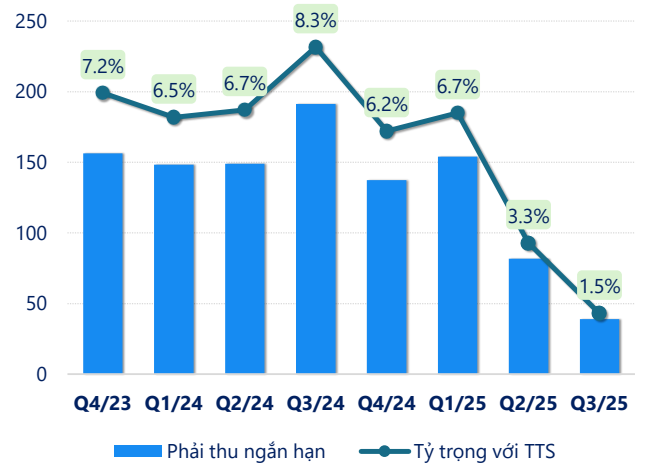
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



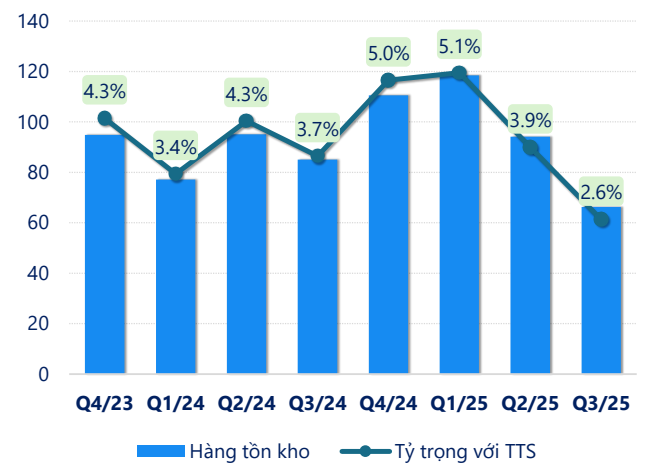
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



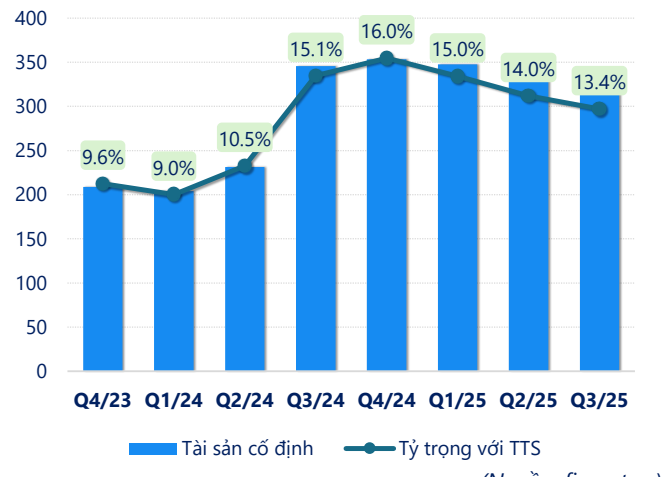
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



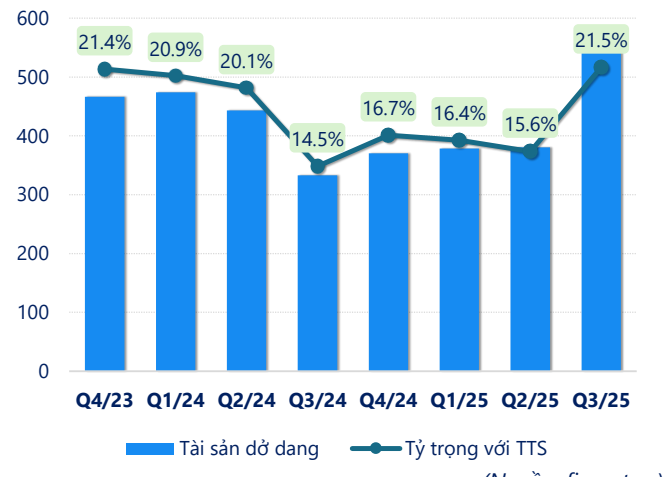
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



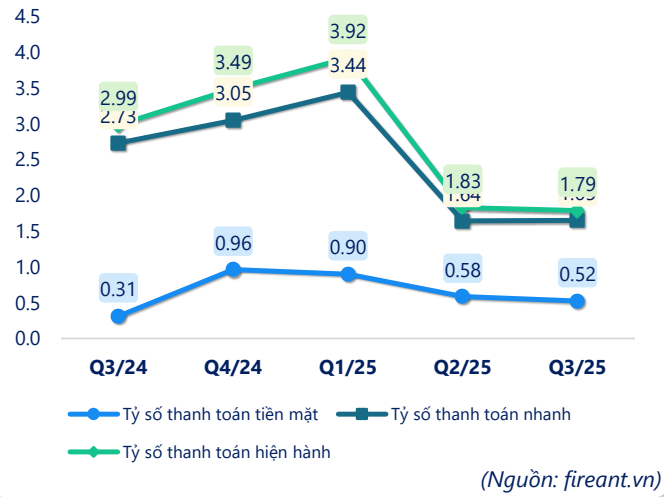
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



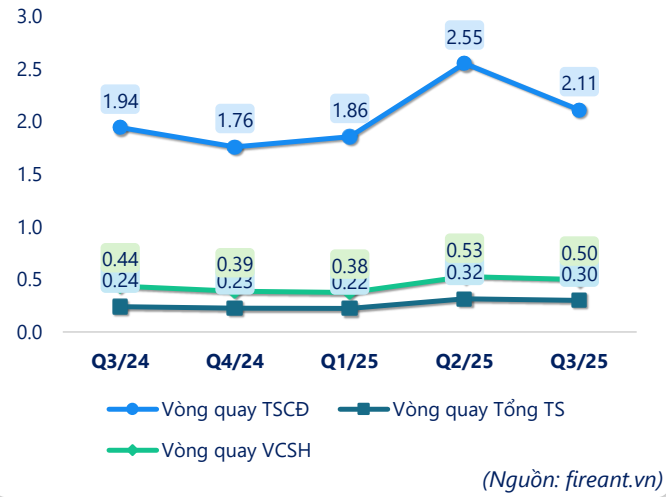
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,293**	**2,215**	**2,313**	**2,443**	**2,526**
Tài sản ngắn hạn	**1,002**	**879**	**963**	**929**	**875**
Tiền và tương đương tiền	104	243	221	297	256
Đầu tư tài chính ngắn hạn	603	365	443	430	489
Phải thu ngắn hạn	191	137	154	81.7	39.0
Hàng tồn kho	85.0	111	118	94.2	66.3
Tài sản ngắn hạn khác	18.2	23.2	27.3	26.9	24.5
Tài sản dài hạn	**1,292**	**1,336**	**1,350**	**1,514**	**1,651**
Phải thu dài hạn	586	586	586	570	570
Tài sản cố định	346	353	348	343	338
Bất động sản đầu tư	2.00	2.00	10.3	193	173
Tài sản dở dang	333	370	378	380	544
Đầu tư tài chính dài hạn	14.7	14.7	17.7	17.7	17.7
Tài sản dài hạn khác	0.90	0.74	1.42	2.11	2.07
Lợi thế thương mại	9.39	8.84	8.29	7.73	7.18
Nợ phải trả	**986**	**894**	**891**	**899**	**946**
Nợ ngắn hạn	**335**	**252**	**246**	**508**	**489**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31.3	46.0	45.5	9.40	9.40
Phải trả người bán ngắn hạn	21.5	10.8	16.6	20.8	34.6
Nợ dài hạn	650	643	646	391	457
Vay và nợ thuê dài hạn	54.0	43.6	40.5	46.4	44.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,308**	**1,320**	**1,421**	**1,545**	**1,580**
Vốn chủ sở hữu	**1,308**	**1,320**	**1,421**	**1,545**	**1,580**
Vốn điều lệ	567	575	575	667	667
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)